

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-PT.

Ngày: 31 - 01 - 2024.

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là
quyền sử dụng đất nông nghiệp,
tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng và ông Nguyễn Đức Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp, tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1972, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị Nguyễn Thị N: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1943; địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thành Hóa, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chủ tịch UBND xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T - Phó Chủ tịch UBND xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, có đơn xin vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2021, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Minh T; lời khai của các đương sự trong vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

1. Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Minh H (chết năm 2007) và vợ là cụ Phạm Thị T (chết năm 1990) có 08 người con chung gồm: Ông Nguyễn Minh T; ông Nguyễn Minh Đ (chết năm 1945, chưa có vợ, con); Bà Nguyễn Thị V; Bà Nguyễn Thị Q; Ông Nguyễn Văn T; Ông Nguyễn Văn C; bà Nguyễn Thị L (chết năm 1966, chưa có chồng, con); Bà Nguyễn Thị N. Cụ H và cụ T không có con nuôi, con riêng, bố mẹ đẻ của Cụ H đều chết trước khi Cụ H chết. Cụ H chết không để lại di chúc thừa kế và văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho ai. Tài sản thừa kế Cụ H chết để lại trong khối tài sản chung với cụ T gồm:

2. Về đất ở và tài sản trên đất ở: Quá trình chung sống, Cụ H và cụ T có tài sản chung là đất ở, đất vườn và 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, năm 1991 Cụ H đã làm thủ tục tách đất, tặng cho đất ở để 03 người con trai của cụ là Ông Nguyễn Minh T, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Văn C làm nhà, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất vườn trong thửa đất ở được cắt trừ tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông Thịnh, ông T, ông Chiến. Hiện tại, Cụ H và cụ T không còn đất ở, đất vườn. Ngôi nhà chung của 02 cụ nằm trên phần đất đã tách cho ông Thịnh, hiện đang do ông Thịnh quản lý, sử dụng. Đối với các tài sản là nhà ở, đất ở, đất vườn trên của Cụ H và cụ T các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

3. Về tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H: Hộ gia đình Cụ Nguyễn Minh H có 02 khẩu gồm: Cụ Nguyễn Minh H và cụ Phạm Thị T. Tuy nhiên cụ T chết năm 1990, chết trước thời điểm chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 (năm 1993) của UBND tỉnh Hà Nam nên không được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp. Theo Quyết định 115, Cụ H được chia 01 khẩu đất % = 70 m²; 01 khẩu đất 115 = 324 m² đất trồng lúa, 01 khẩu đất màu = 140 m²; tổng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H là 534 m². Cụ H được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp và được UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02606/QSĐĐ/210/QĐ-UB(H) ngày 25/4/2003, hộ ông Nguyễn Minh H gồm:

Thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, diện tích 115 m² đất ruộng màu, vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23, diện tích 24 m² đất trồng lúa (đất được mạ), vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa, vị trí đất tại Cửa ông Nghị, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Thửa đất số 64(139), tờ bản đồ số 36, diện tích 9m² đất bãi màu (ĐRM), vị trí đất tại Xứ đồng Bãi Diếp thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Phần diện tích đất này, Nhà nước thực hiện dự án đã thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng cho các con của Cụ H. Nay thửa đất này không còn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất này nên Tòa án không phải giải quyết.

So với tiêu chuẩn đất nông nghiệp được hưởng theo quy định, phần diện tích đất màu của Cụ H được chia còn thiếu 16m².

Theo phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp mới năm 2020 của thôn 9 Đồng Lư Trung Thượng, xã Chân Lý, Cụ Nguyễn Minh H được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp gồm: 394 m² đất trồng lúa (diện tích phải trừ đóng góp để xây dựng giao thông thủy lợi 09 m²), diện tích còn lại được chia ở ngoài đồng là 385m² đất trồng lúa và 131m² đất ruộng màu, được chia cụ thể như sau: Thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, diện tích 131m² đất ruộng màu; thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23, diện tích 15m² đất trồng lúa (đất được mạ); thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa. Các thửa đất trên đều có vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam và chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp, yêu cầu chia di sản thừa kế do Cụ Nguyễn Minh H chết để lại của các đương sự:

* Nguyên đơn, Ông Nguyễn Văn T trình bày: Tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 ở Cửa ông Nghị, diện tích 370m² đất trồng lúa, trước đây Cụ Nguyễn Minh H cho Anh Nguyễn Minh Đ, vợ là Chị Nguyễn Thị N cấy rẽ (thuê ruộng cấy), anh Đ và chị N có trách nhiệm đóng thủy lợi phí và các khoản dịch vụ cho Nhà nước và trả sản thuê ruộng 80kg/thóc/1 năm cho Cụ H. Quá trình

thuê ruộng cấy của Cụ H, khoảng năm 2005, vợ chồng anh Đ, chị N đã tự ý đào ao, làm trái phép 01 ngôi nhà ống 02 mái, lợp ngói trên đất trồng lúa của Cụ H. Thời điểm này ông T vẫn sinh sống ở trên Yên Bái, ít khi về nhà. Anh chị em ông T lại không biết việc vợ chồng anh Đ, chị N làm nhà trên phần đất của Cụ H (chỉ biết Cụ H và anh Đ được chia 02 thửa đất nông nghiệp ở bên cạnh nhau, tiêu chuẩn đất của anh Đ thì anh Đ xây). Đến năm 2015, khi ông T về quê, muốn nhận lại phần đất của Cụ H, không cho anh Đ thuê nữa. Ông T lên xã gặp công chức địa chính và trưởng thôn mới biết vợ chồng anh Đ, chị N đã làm nhà lên phần đất của Cụ H. Ông T đã gặp gỡ, trao đổi với vợ chồng anh Đ, chị N, nói anh Đ đã làm nhà lên phần đất của Cụ H thì phải trả lại cho anh em ông T thửa đất của anh Đ ở bên cạnh, không được xây dựng nữa nhưng anh Đ không chịu trả đất nên ông T đã có đơn gửi UBND xã Chân Lý yêu cầu giải quyết về việc đòi lại tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H. Anh Đ, chị N không những không chịu trả lại đất mà còn tiếp tục vi phạm xây dựng công trình kiên cố trên thửa đất còn lại. Anh em ông T đã ra ngăn chặn, báo gọi UBND xã Chân Lý, Công an xã Chân Lý xuống lập biên bản tháo dỡ công trình vi phạm. Nhưng thời điểm từ năm 2019 đến năm 2020 khi ông T đi miền Nam vắng nhà, vợ chồng anh Đ, chị N lại tiếp tục vi phạm, xây nhà kiên cố trên đất. Từ đó đến nay, anh em ông T vẫn yêu cầu đòi lại đất nhưng anh Đ, chị N không chịu trả đất. Vì vậy ông T khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N phải tự tháo dỡ các công trình xây dựng vi phạm trên đất và trả lại 370m² đất nông nghiệp (đất trồng lúa) tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, vị trí đất ở Cửa ông Nghi, tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam - là di sản thừa kế của Cụ H chết để lại, để anh chị em ông T cùng canh tác, sử dụng chung.

Đối với phần tiêu chuẩn đất nông nghiệp khác của Cụ H, cũng như các tài sản khác là di sản thừa kế của Cụ H chết để lại, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị em ông T không có tranh chấp về thừa kế tài sản nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế của Cụ Nguyễn Minh H. Ông T đề nghị toàn bộ tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H chết để lại, để anh chị em ông cùng quản lý, sử dụng chung.

* Ý kiến của Anh Nguyễn Minh Đ là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chị Nguyễn Thị N: Anh Đ và chị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, anh Đ đề nghị do vợ chồng anh đã làm nhà tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 ở Cửa ông Nghi từ năm 2005 khi Cụ Nguyễn Minh H còn sống và vợ chồng anh được Cụ H đồng ý cho làm nhà. Năm 2018 vợ chồng anh Đ làm căn nhà thứ 2 trên thửa đất nông nghiệp của anh Đ được chia bên cạnh thửa đất nông nghiệp của Cụ H, tuy nhiên ngôi nhà này anh Đ xây lấn sang phần đất nông nghiệp của Cụ H 33cm (0,33m), phần diện tích đất này chạy dài hết thửa đất = 12m² đất nông nghiệp. Nay anh Đ đề nghị được tiếp tục sử dụng thửa đất trên và vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả tiêu chuẩn đất của Cụ H vào tiêu chuẩn đất nông nghiệp của chị N là 394m² đất

trồng lúa hoặc vợ chồng anh có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho các con của Cụ H; trường hợp nếu Tòa án buộc vợ chồng anh Đ phải trả lại thửa đất trên và chia thừa kế đối với 370m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 tại Cửa ông Nghị cho các con của Cụ H, thì người sử dụng đất phải thanh toán trả giá trị các tài sản vợ chồng anh Đ đã xây dựng trên 358m² đất trồng lúa của Cụ H và giá trị các tài sản vợ chồng anh Đ đã lấn chiếm, xây dựng trên phần đất UB của UBND xã Chân Lý, vì các tài sản này là 01 thể thống nhất, không thể tách rời; khi vợ chồng anh Đ xây dựng các tài sản trên, Cụ H vẫn còn sống và đồng ý cho vợ chồng anh Đ xây dựng tại thửa đất trên. Đối với phần diện tích đất vợ chồng anh Đ xây ngôi nhà năm 2018, có xây lấn sang phần đất của Cụ H 33cm (0,33m đất mặt), phần diện tích đất này chạy dài hết thửa đất = 12m² đất nông nghiệp, vợ chồng anh Đ yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất này và có trách nhiệm thanh toán trả các con của Cụ H giá trị 12m² đất nông nghiệp theo giá của Hội đồng định giá đã định giá. Vợ chồng anh Đ sẽ trả lại cho các con của Cụ H 358m² đất nông nghiệp của Cụ H.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Ông Nguyễn Minh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T về việc đòi đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại nhưng ông Thịnh khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại gồm:

Diện tích 15m² đất trồng lúa (đất được mạ) tại thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23 và 131m² đất ruộng màu tại thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40 (02 thửa đất này đều do ông Thịnh đang quản lý và sử dụng).

Diện tích 370m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 tại Cửa ông Nghị. Thửa đất này vợ chồng anh Đ, chị N (con trai cả của ông Thịnh) đang quản lý và sử dụng. Ông Thịnh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Đ, chị N trả lại thửa đất trên cho anh em ông là các con của Cụ H để ông Thịnh (con trai cả của Cụ H) quản lý và sử dụng, ông Thịnh có trách nhiệm thanh toán giá trị các tài sản của anh Đ, chị N đã xây dựng và kiến thiết tại thửa đất trên và trên phần đất UB của UBND xã Chân Lý vợ chồng anh Đ, chị N đã lấn chiếm, xây dựng. Đối với phần diện tích đất vợ chồng anh Đ, chị N xây ngôi nhà năm 2018, có xây lấn sang phần đất của Cụ H 33cm (0,33m đất mặt), phần diện tích đất này chạy dài hết đất = 12m² đất nông nghiệp, ông Thịnh đồng ý với yêu cầu của anh Đ, để đảm bảo giá trị sử dụng ngôi nhà của anh Đ, chị N, đề nghị Tòa án giao 12m² đất nông nghiệp trên cho anh Đ, chị N được sử dụng. Anh Đ và chị N có trách nhiệm thanh toán trả giá trị 12m² đất nông nghiệp trên theo giá của Hội đồng định giá đã định giá cho ông Thịnh là người được chia, sử dụng thửa đất trên. Còn 358m² đất nông nghiệp của Cụ H, anh Đ và chị N phải trả lại để anh em ông Thịnh chia thừa kế.

Các thửa đất kể trên là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H chết để lại, không có di chúc thừa kế, văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho ai. Nay ông

Thịnh yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, chia đều giá trị bằng tiền cho 06 anh em ông Thịnh là các con của Cụ H hiện đang còn sống gồm: Ông Nguyễn Minh T, Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị Q, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Văn C và Bà Nguyễn Thị N.

Ông Thịnh là con trai cả, là người thờ cúng Cụ H và cụ T nên ông đề nghị Tòa án giao cho ông được hưởng thừa kế bằng quyền sử dụng đất đối với 15m² đất trồng lúa (đất được mạ) tại thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23 và 370m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 tại Cửa ông Nghị (trừ 12m² đất nông nghiệp vợ chồng anh Đ, chị N xây nhà năm 2018 đã xây lấn sang đất của Cụ H, phần diện tích đất này ông Thịnh đề nghị giao cho anh Đ, chị N được quyền sử dụng và có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền, phần đất ông Thịnh yêu cầu được chia là 358m² đất trồng lúa); giao ông T được quyền sử dụng đối với 131m² đất ruộng màu tại thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40. Ông Thịnh và ông T có trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế chênh lệch cho các kỹ phần thừa kế khác. Ông Thịnh có trách nhiệm thanh toán trả giá trị các tài sản của anh Đ, chị N đã xây dựng và kiến thiết trên thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 tại Cửa ông Nghị và trên phần đất UB của UBND xã Chân Lý do vợ chồng anh Đ, chị N đã lấn chiếm, xây dựng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập có ý kiến:

- Ông Nguyễn Văn C nhất trí với nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, yêu cầu Tòa án buộc Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N trả lại 370m² đất trồng lúa của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại, để anh chị em ông cùng quản lý, sử dụng chung. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H chết để lại. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Thịnh thì ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và ông yêu cầu được hưởng thừa kế bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị Q và Bà Nguyễn Thị N đều nhất trí với nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh T và đều từ chối nhận di sản, đề nghị phân di sản thừa kế của các bà được hưởng sẽ chia đều cho 03 kỹ phần còn lại là ông Thịnh, ông T và ông Chiển.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Chân Lý, ông Vũ Anh Trung có quan điểm:

Về tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H: Hộ gia đình Cụ H có 02 khẩu gồm: Cụ Nguyễn Minh H, cụ Phạm Thị T. Tuy nhiên cụ T chết năm 1990, chết trước thời điểm chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 (năm 1993) của UBND tỉnh Hà Nam nên không được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp. Theo Quyết định 115, Cụ H được chia 01 khẩu đất % = 70m²; 01 khẩu đất 115 = 324m² đất trồng lúa, 01 khẩu đất màu = 140m². Cụ Nguyễn Minh H được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp và được UBND huyện Lý Nhân, tỉnh Hà

Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02606/QSĐĐ/210/QĐ-UB(H) ngày 25/4/2003 hộ ông Nguyễn Minh Hưng gồm:

Thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, diện tích 115m² đất ruộng màu, vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23, diện tích 24m² đất trồng lúa (đất được mạ), vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa, vị trí đất tại Cửa ông Nghị, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất số 64(139), tờ bản đồ số 36, diện tích 9m² đất bãi màu (ĐRM), vị trí đất tại Xứ đồng Bãi Diếp thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Phần diện tích đất này, Nhà nước thực hiện dự án đã thu hồi, giải phóng mặt bằng. Nay thửa đất này không còn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất này nên Tòa án không phải giải quyết. So với tiêu chuẩn được hưởng theo quy định, phần diện tích đất màu của Cụ H được chia còn thiếu 16m².

Theo phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp mới năm 2020, Cụ Nguyễn Minh H được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp gồm: 394m² đất trồng lúa (diện tích phải trừ đóng góp để xây dựng giao thông thủy lợi 9m²), diện tích còn lại được chia ở ngoài đồng là 385m² đất trồng lúa và 131m² đất ruộng màu, được chia cụ thể như sau: Thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, diện tích 131m² đất ruộng màu; thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23, diện tích 15m² đất trồng lúa (đất được mạ); thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa. Các thửa đất trên đều có vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam và chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc xây dựng công trình vi phạm, tranh chấp về quyền sử dụng đất nông nghiệp và việc giải quyết tranh chấp của các đương sự trong vụ án:

Thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa, vị trí đất tại Cửa ông Nghị, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H nhưng Cụ H già, yếu không canh tác được nên có cho vợ chồng Anh Nguyễn Minh Đ (cháu nội của Cụ H), vợ là Chị Nguyễn Thị N cấy rẽ (thuê ruộng cấy). Anh Đ và chị N có trách nhiệm đóng thủy lợi phí và các khoản dịch vụ cho Nhà nước và trả sản thuê ruộng cấy cho Cụ H.

Quá trình thuê ruộng cấy của Cụ H, năm 2006 vợ chồng anh Đ, chị N đã tự ý đào ao, làm nhà trái phép, 01 ngôi nhà ống 02 mái, lợp ngói trên đất trồng lúa của Cụ H. Thời điểm anh Đ, chị N xây nhà trên đất nông nghiệp của Cụ H, Cụ H vẫn còn sống, Cụ H và các con của Cụ H không có ai ngăn cản đối với việc anh Đ và chị N làm nhà.

Đến năm 2016, Ông Nguyễn Văn C và Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị hòa giải về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa, ở Cửa ông Nghị là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại. Ban Công tác mặt trận thôn 9

Đông Lư Trung Thượng và UBND xã đã nhiều lần tổ chức hòa giải để anh Đ, chị N và các con của Cụ H tự thỏa thuận, thống nhất giải quyết vụ việc nhưng không có kết quả. Đến năm 2018, anh Đ và chị N tiếp tục xây dựng trái phép 01 ngôi nhà trên thửa đất là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của anh Đ. Ngôi nhà này có 01 phần diện tích xây lấn sang thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 là đất trồng lúa của Cụ H.

Việc anh Đ và chị N xây dựng nhà trái phép trên đất nông nghiệp và lấn chiếm xây dựng các tài sản trên phần đất UB do UBND xã quản lý, UBND xã Chân Lý đã nhiều lần đến kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, lập biên bản hành vi vi phạm hành chính của anh Đ, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm đất đai của anh Đ và có thông báo cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng anh Đ vẫn cố tình vi phạm, xây dựng và hoàn thiện các công trình xây dựng vào buổi tối.

Về quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T và yêu cầu độc lập của Ông Nguyễn Minh T: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H; yêu cầu của Ông Nguyễn Minh T về việc chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp do Cụ H chết để lại: Thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa, tại cửa ông Nghi ở Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H được Nhà nước chia theo quy định pháp luật. Năm 2006, vợ chồng Anh Nguyễn Minh Đ, Chị Nguyễn Thị N đã xây dựng nhà ở và các công trình trái phép trên đất. Anh Đ và chị N cho rằng, việc vợ chồng anh xây nhà là được sự cho phép của Cụ H (khi đó Cụ H vẫn còn sống) nhưng anh Đ và chị N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc Cụ H tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng thửa đất trên cho anh Đ và chị N. Từ trước đến nay, Cụ H với anh Đ, chị N chưa bao giờ đến UBND xã làm thủ tục tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng thửa đất trên. Việc anh Đ, chị N cắt trả tiêu chuẩn thửa đất trên của Cụ H về vị trí đất nông nghiệp của Chị Nguyễn Thị N ở thôn 9 Đông Lư Trung Thượng là sau khi Cụ H đã chết, không được các con của Cụ H đồng ý nên không có giá trị pháp lý. Thửa trên vẫn là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H. Cụ H chết không để lại di chúc chia thừa kế, văn bản tặng cho quyền sử dụng thửa đất trên cho ai nên ông Thịnh hoặc một trong các con của Cụ H được quyền khởi kiện chia di sản thừa kế là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ H chết để lại. Nhưng thửa đất trên, anh Đ và chị N đã xây dựng nhà ở và các công trình xây dựng trái phép trên đất; năm 2018 vợ chồng anh Đ, chị N tiếp tục xây dựng 01 ngôi nhà trái phép trên thửa đất nông nghiệp của anh Đ ở liền kề với tiêu chuẩn đất trồng lúa của Cụ H và còn xây lấn sang thửa đất của Cụ H, đề nghị Tòa án phân tích, hòa giải, động viên để các đương sự tự thỏa thuận, thống nhất giải quyết vụ án. Nếu các đương sự vẫn không thỏa thuận, thống nhất được, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T, ông Thịnh và nguyện vọng của các đương sự trong vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với phần diện tích đất nương, đất UB do UBND xã Chân Lý quản lý, theo hiện trạng hộ gia đình Anh Nguyễn Minh Đ đang lấn chiếm, sử dụng là 250m², UBND xã Chân Lý sẽ báo cáo xin ý kiến của UBND huyện Lý Nhân và có phương án xử lý sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 580 và các Điều 612, 613, 618, 623, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 658, Điều 660 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179, Điều 191 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H.

Buộc Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N phải trả lại cho các con của Cụ Nguyễn Minh H 358m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, vị trí đất tại Cửa ông Nghi, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Giao cho Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, vị trí đất tại cửa ông Nghi, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, là phần đất năm 2018 anh Đ và chị N đã xây nhà lấn sang đất trồng lúa của Cụ Nguyễn Minh H. Anh Đ và chị N có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa của Cụ H cho các con Cụ H là 2.340.000 đồng và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Xử chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Minh T yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Minh H là tiêu chuẩn đất nông nghiệp thừa kế theo pháp luật.

Xác nhận quyền thừa kế di sản của Cụ Nguyễn Minh H thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Minh T, Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị Q, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Văn C, Bà Nguyễn Thị N. Do Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị Q và Bà Nguyễn Thị N đều từ chối nhận di sản, nên phần di sản thừa kế của bà V, bà Q và bà N được hưởng sẽ chia đều cho 03 kỷ phần còn lại.

Xác định di sản thừa kế là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại là: Thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, diện tích 131m² đất ruộng màu; thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23, diện tích 15m² đất trồng lúa (đất

được mạ); thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, diện tích 370m² đất trồng lúa. Các thửa đất trên đều có vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tổng giá trị di sản thừa kế là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H chết để lại Ông Nguyễn Minh T yêu cầu phân chia trị giá 100.620.000 (*Một trăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Chia đều theo pháp luật cho 3 kỹ phần thừa kế gồm: Ông Nguyễn Minh T, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Văn C, mỗi kỹ phần được hưởng 33.540.000 đồng.

Phân chia di sản bằng hiện vật cụ thể như sau:

Chia Ông Nguyễn Minh T được hưởng số tiền 2.340.000 đồng do Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N thanh toán trả giá trị quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa của Cụ Nguyễn Minh H và ông Thịnh được quyền sử dụng 15m² đất trồng lúa (đất được mạ) tại thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23; 358m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23. Các thửa đất trên đều có vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá là 75.075.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của Ông Nguyễn Minh T, với Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N về việc giao cho Ông Nguyễn Minh T được quyền sử dụng và có trách nhiệm thanh toán trả Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N giá trị các tài sản do anh Đ và chị N đã xây dựng ở trên 358m² đất trồng lúa của Cụ H tại thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23 và giá trị các tài sản anh Đ và chị N đã lấn chiếm, xây dựng trên phần đất UB của UBND xã Chân Lý là 121.576.000 đồng, gồm: 01 nhà cấp 4, lợp ngói đỏ, nền lát gạch hoa, không có khu phụ, diện tích 36m² = 29.062.000 đồng; 01 nhà cấp 4, lợp mái tôn, có nhà vệ sinh, diện tích 42,28m² = 30.327.000 đồng; 01 chuồng lợn, lán Bluximăng xây năm 2008, diện tích 78,97m² = 30.000.000 đồng; 01 nhà tắm xây năm 2008, diện tích 4,6m² = 2.482.000 đồng; 01 nhà vệ sinh xây năm 2008, diện tích 2,2m² = 1.979.000 đồng; 01 lán mái tôn sau nhà, làm năm 2010, diện tích 53,25m² = 7.454.000 đồng; 01 sân bê tông sau nhà, làm năm 2010, thể tích 2,6625m³ = 2.187.000 đồng; 01 tường gạch đỏ sau nhà, thể tích 1,778m³ = 900.000 đồng; 01 bể nước xây năm 2012, thể tích 5,28m³ = 2.635.000 đồng; 01 bể nước xây năm 2013, thể tích 10,692m³ = 3.975.000 đồng; 01 lán mái tôn trước nhà, diện tích 19,49m² = 2.432.000 đồng; bê tông cốt thép trước nhà, thể tích 3,3615m³ = 5.119.000 đồng; bê tông trước nhà, thể tích 3,298m³ = 2.709.000 đồng; tường gạch xây trước nhà, tường 110, cao 01m, dài 3,4m = 315.000 đồng.

(Các tài sản trên đều do Anh Nguyễn Minh Đ, Chị Nguyễn Thị N đang quản lý, sử dụng).

Chia Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 131m² đất ruộng màu tại thửa đất số 2(16), tờ bản đồ số 40, vị trí đất tại Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (có sơ đồ kèm theo). Trị giá là 25.545.000 đồng.

(Thửa đất trên do Ông Nguyễn Minh T đang quản lý, sử dụng).

Các bên không được cản trở quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và quyền quản lý tài sản của nhau trên diện tích đất đã chia.

Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

- Buộc Ông Nguyễn Minh T phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế cho Ông Nguyễn Văn T 33.540.000 đồng; Ông Nguyễn Văn C 7.995.000 đồng.

- Buộc Ông Nguyễn Minh T phải thanh toán trả Anh Nguyễn Minh Đ, Chị Nguyễn Thị N giá trị các tài sản anh Đ, chị N đã xây dựng, kiến thiết trên 358m² đất trồng lúa của Cụ H tại thửa đất số 202(8), tờ bản đồ số 23 và giá trị các tài sản anh Đ và chị N đã lấn chiếm, xây dựng trên phần đất UB của UBND xã Chân Lý là 121.576.000 đồng; đối trừ với số tiền 2.340.000 đồng do anh Đ và chị N phải thanh toán trả giá trị quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa của Cụ Nguyễn Minh H, ông Thịnh còn phải thanh toán trả anh Đ và chị N số tiền là 119.236.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự và kiến nghị UBND xã Chân Lý cần tăng cường quản lý về đất đai, chống việc lấn chiếm đất UB, xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp và giải quyết dứt điểm đối với các vi phạm pháp luật đất đai của hộ gia đình Anh Nguyễn Minh Đ.

Trong thời hạn luật định, ngày 13/10/2023 Ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam: Không đồng ý chia di sản thừa kế là diện tích đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H bằng tiền và đề nghị xử lý việc Anh Nguyễn Minh Đ và Chị Nguyễn Thị N xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H được chia theo tiêu chuẩn 115 năm 1993 của UBND tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án. Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Ông

Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 13/10/2023 của Ông Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định, đảm bảo tính hợp lệ. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật và quyết định buộc anh Đ, chị N phải trả lại cho các con của Cụ H 358m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23 là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H được chia tại Cửa ông Nghi, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; giao cho anh Đ, chị N được quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa tại thửa đất số 203(15), tờ bản đồ số 23, vị trí đất tại Cửa ông Nghi, thuộc Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, là phần đất năm 2018 anh Đ và chị N xây nhà đã xây lấn sang đất trồng lúa của Cụ Nguyễn Minh H. Anh Đ và chị N có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng 12m² đất trồng lúa của Cụ H cho các con Cụ H là 2.340.000 đồng và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Nguyễn Minh T, một trong những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Cụ H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu độc lập đề nghị chia di sản thừa kế là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H để lại. Xét thấy yêu cầu của ông Thịnh phù hợp quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã tuyên chia di sản của Cụ H cho các đồng thừa kế của Cụ H, mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế. Căn cứ nhu cầu được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật đã giao cho ông Thịnh, ông Chiến được quyền sử dụng đất nông nghiệp là di sản thừa kế của Cụ H và chia cho ông T được hưởng thừa kế bằng tiền là có căn cứ phù hợp pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý chia di sản thừa kế là diện tích đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H bằng tiền là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của Ông Nguyễn Văn T về việc xử lý việc xây nhà ở và các công trình phụ trên đất nông nghiệp của Cụ Nguyễn Minh H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí phúc thẩm do đơn kháng cáo của ông không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Lý Nhân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San